

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS - ST
Ngày: 03/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 - Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1970 (có mặt)

1.2 - Chị Lê Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp KS, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn:

2.1 - Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1978 (có mặt)

2.2 - Chị Huỳnh Thị Tuyết V, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/02/2018)

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Tấn P và chị Lê Thị H trình bày: Vào ngày 05/3/2017 anh T vay của anh P, chị H số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất

6%/tháng, khi vay có làm biên nhận, các bên thỏa thuận 10 ngày đóng lãi một lần, khi nào anh P, chị H có nhu cầu sử dụng vốn thì anh T sẽ hoàn trả lại vốn. Anh T đóng lãi được 03 lần (một tháng). Ngày 05/4/2017 anh T trả được là 3.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2017 anh T có trả thêm được 10.000.000 đồng, đồng thời hai bên thỏa thuận tiền lãi đến ngày 10/5/2017 là 6.800.000 đồng. Như vậy tổng số tiền anh T còn nợ là 93.800.000 đồng. Từ đó đến nay anh T không đóng lãi và cũng không trả vốn.

Vào ngày 18/5/2017 anh T cùng vợ là chị Huỳnh Thị Tuyết V có đến nhà anh P, chị H đề thỏa thuận trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng anh P, chị H không đồng ý.

Nay anh Huỳnh Tấn P, chị Lê Thị H yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Huy T, chị Huỳnh Thị Tuyết V cùng có trách nhiệm trả số tiền là 93.800.000 đồng (Chín mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/5/2017 đến ngày 10/8/2017 theo mức lãi suất 1,125%/tháng trên số tiền vốn chưa trả là 93.800.000 đồng bằng số tiền là 3.165.575 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Tại tự khai ngày 25/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh T trình bày: Anh T thừa nhận có vay tiền của anh P, chị H và hiện còn nợ số tiền vốn là 93.800.000 đồng như anh P, chị H đã trình bày. Nay anh T đồng ý trả anh P, chị H số tiền tiền vốn là 93.800.000 đồng và xin được trả dần trong vòng 24 tháng sẽ trả hết nợ cho anh P, chị Hà, còn về tiền lãi xin được miễn vì hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế.

- Tại tự khai ngày 27/02/2018 bị đơn là chị Huỳnh Thị Tuyết V trình bày: Việc anh T vay tiền của anh P, chị H thì chị không hay biết. Đến khi bề nợ thì cơ quan anh T có mời chị V đến làm việc thì chị V mới biết. Nay chị V không đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với anh T. Vì chị V cho rằng đây là nợ riêng của anh T nên anh T tự chịu trách nhiệm không liên quan đến chị. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn là anh P, chị H yêu cầu anh T, chị V cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn 93.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/5/2017 đến ngày 03/4/2018 với mức lãi suất 1,125%/tháng bằng số tiền là 11.361.525 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là anh T đồng ý tự trả cho anh P, chị H số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của anh P, chị Hà; không yêu cầu chị V cùng có trách nhiệm cùng trả nợ này. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là chị Huỳnh Thị Tuyết V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh P, chị H về việc yêu cầu anh T, chị V phải trả tiền vốn còn nợ là 93.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/4/2018) với mức lãi suất 1,125%/tháng bằng số tiền là 11.361.525 đồng.

[2.2] Vào ngày 05/3/2017 anh T vay của anh P, chị H số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, khi vay có làm biên nhận, các bên thỏa thuận 10 ngày đóng lãi một lần, khi nào anh P, chị H có nhu cầu sử dụng vốn thì anh T sẽ hoàn trả lại vốn. Anh T đóng lãi được 03 lần (một tháng). Ngày 05/4/2017 anh T trả được là 3.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2017 anh T có trả thêm được 10.000.000 đồng, đồng thời hai bên thỏa thuận tiền lãi đến ngày 10/5/2017 là 6.800.000 đồng. Như vậy tổng số tiền anh T còn nợ là 93.800.000 đồng. Từ đó đến nay anh T không đóng lãi và cũng không trả vốn. Anh T thừa nhận có vay và còn nợ số tiền vốn là 93.800.000 đồng như anh P, chị H trình bày. Anh T đồng ý trả anh P, chị H số tiền vốn là 93.800.000 đồng và tiền lãi 11.361.525 đồng nhưng xin được trả dần vì hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn. Phía chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản ý kiến trình bày việc vay tiền là do một mình anh T vay của anh P, chị Hà; chị V không biết khoản vay này và không đồng ý cùng có trách nhiệm trả cho anh P, chị Hà.

[2.3] Xét thấy: Tại biên nhận ngày 05/3/2017 thể hiện anh T là người trực tiếp vay tiền của anh P, chị Hà. Chị V cho rằng không biết việc anh T vay tiền và không đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền này là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, khi anh T không trả tiền cho anh P, chị H thì anh P, chị H có gửi đơn nhờ cơ quan nơi anh T làm việc giải quyết, lúc này Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện TB nơi anh T công tác có mời chị V và anh T đến làm việc thì chị V có cam kết cùng trả nợ cho anh P, chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng theo phương án trả nợ ngày 21/6/2017 do Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện TB cung cấp. Hơn nữa, số tiền này anh T vay trong thời kỳ hôn nhân của anh T, chị V nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc chị V cùng có trách nhiệm với anh T trả anh P, chị H số tiền còn nợ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[2.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P, chị H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/4/2018) với mức lãi suất 1,125%/tháng là 11.361.525 đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của anh P, chị H là có cơ sở theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[2.5] Như vậy, từ những tình tiết nêu trên có cơ sở xác định việc anh T, chị V vay tiền và còn nợ anh P, chị H là sự thật. Hiện anh T, chị V còn nợ anh P, chị H nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh P, chị H theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, chị Hà;

Buộc anh Nguyễn Huy T và chị Huỳnh Thị Tuyết V cùng có trách nhiệm trả anh P, chị H số tiền vốn là 93.800.000 đồng và tiền lãi là 11.361.525 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu của ông P, bà H được chấp nhận anh T, chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được tính như sau: $(93.800.000^d + 11.361.525^d) \times 5\% = 5.258.076$ đồng.

Buộc anh T, chị V phải chịu 5.258.076 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Anh P, chị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại anh P, chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.240.000 đồng theo biên lai thu số 0010239, ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn P, chị Lê Thị H;

Buộc anh Nguyễn Huy T và chị Huỳnh Thị Tuyết V cùng có trách nhiệm trả anh P, chị H số tiền vốn là 93.800.000 đồng (Chín mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 11.361.525 đồng (Mười một triệu ba trăm sáu mươi một ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

2/- Nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng

người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi trên số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh T, chị V phải chịu 5.258.076 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi tám ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh P, chị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại anh P, chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.240.000 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010239, ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo